

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 25/9/2023 - 29/9/2023

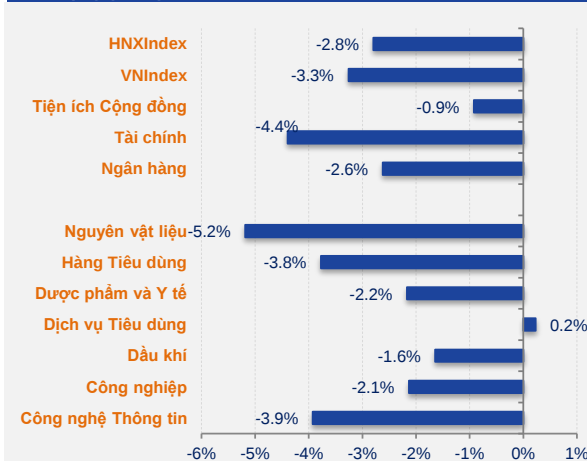
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,154.15	↓ -3.3%	236.35	↓ -2.8%
KLGD (trCP)	3,992.76	↓ -17.0%	581.99	↑ 2.0%
GTGD (tỷ VND)	92,950.11	↓ -21.6%	10,568.85	↓ -9.4%
Tổng cung (trCP)	9,009.36	↓ -13.9%	741.56	↓ -4.7%
Tổng cầu (trCP)	9,730.06	↓ -7.6%	708.18	↑ 2.4%

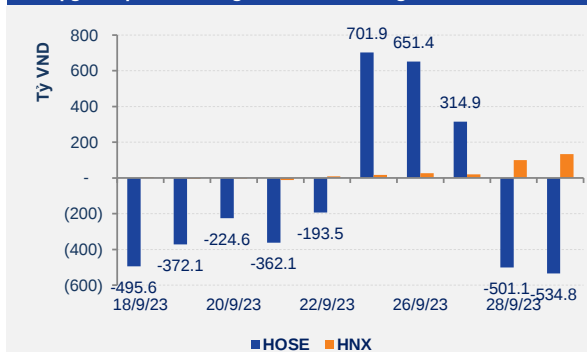
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	246.91	↑ 22.1%	16.20	↑ 304.7%
KL bán (trCP)	236.73	↓ -9.0%	4.59	↓ -15.6%
GT mua (tỷ VND)	7,797.13	↑ 11.0%	402.66	↑ 242.0%
GT bán (tỷ VND)	7,164.87	↓ -17.4%	106.10	↓ -13.8%

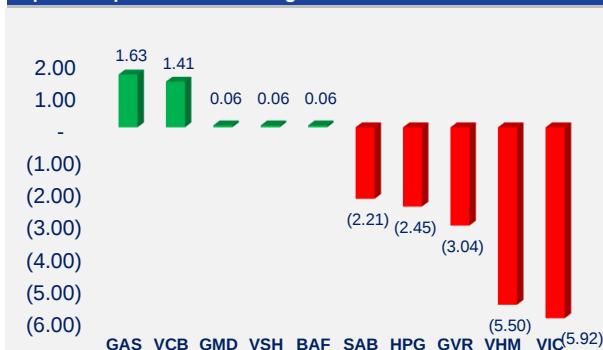
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau hai tuần giảm điểm không giữ được vùng hỗ trợ tâm lý 1.200 điểm, VN-INDEX đã có tuần giao dịch kém tích cực khi giảm mạnh trong 02-03 phiên đầu tuần về vùng giá quanh 1.125 điểm sau đó mới phục hồi trở lại, với thanh khoản tăng khi giá giảm và thanh khoản giảm khi phục hồi. Qua đó kết thúc tuần VN-INDEX giảm khá mạnh 3,23% so với tuần trước về mức 1.154,15 điểm, duy trì tuần thứ 03 liên tiếp giảm điểm. Đây cũng là tuần kết thúc quý III/2023, nhìn rộng hơn VN-INDEX vẫn kết thúc quý III tăng 3,03% so với quý II/2023, duy trì 03 quý liên tiếp phục hồi tăng điểm. HNX-INDEX kết thúc quý III ở mức 236,35 điểm, tăng 3,97% so với quý II/2023. Thanh khoản và điểm số thị trường duy trì tăng 03 quý liên tiếp.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 92.945,22 tỷ đồng, giảm khá mạnh 21,6% so với tuần trước, khối lượng giao dịch giảm 17,0%, dưới mức trung bình. Trong đó trên sàn HOSE có phiên kết thúc Quý III với khối lượng thấp nhất so với các phiên kết thúc Quý I, II/2023. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, sau khi bán ròng mạnh 04 tuần liên tiếp, đã mua ròng trở lại với giá trị 632,26 tỷ đồng, mua ròng trên HNX với giá trị khá đột biến 296,56 tỷ đồng.

Trong tuần thị trường đón nhận nhiều thông tin như Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2023 ước tính tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, có xu hướng tích cực khi quý I tăng 3,28%, quý II tăng 4,05%, quý III tăng 5,33%. GDP 9 tháng năm 2023 tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục phát hành tín phiếu trong tuần nâng mức đã phát hành lên 70.000 tỷ đồng. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức họp bàn với các Ngân hàng lưu ký để chia sẻ và trao đổi mô hình cho giải pháp tháo gỡ vấn đề ký quỹ trước giao dịch ngày 26/09/2023. FTSE tiếp tục giữ Việt Nam trong danh sách theo dõi nâng hạng thị trường chứng khoán.

Với áp lực giảm điểm của thị trường chung, nhóm cổ phiếu bất động sản có diễn biến kém tích cực nhất, ngoài NTL (+14,0%) tăng mạnh vượt đỉnh giá gần nhất thì đa số đều giảm mạnh, thanh khoản trên mức trung bình như TCH (-14,0%), NHA (-13,79%), DRH (-12,87%), TDC (-11,69%), NBB (-11,29%), CEO (-10,88%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số có diễn biến kém tích cực, chịu áp lực bán mạnh trong những phiên đầu tuần, kết thúc tuần giảm mạnh như VIX (-11,27%), WSS (-10,39%), PSI (-8,57%), VDS (-7,65%), VND (-6,85%)... ngoài các mã phục hồi mạnh, tăng giá tích cực như FTS (+8,21%), BSI (+5,26%), MBS (+4,59%)...

Các cổ phiếu ngân hàng cũng có diễn biến kém tích cực khi hầu đều giảm điểm mạnh, thanh khoản gia tăng với EIB (-8,42%), STB (-6,84%), KLB (-6,02%), SHB (-5,93%)... ngoài SSB (+5,33%), VPB (+2,12%)... Trong khi đó nhóm cổ phiếu cảng biển, logistics đa số có diễn biến tích cực, nhiều mã vượt đỉnh giá cũ như GMD (+3,59%), DVP (+2,38%), TCL (+2,35%), HAH (+1,57%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 giảm 1,9 điểm (-0,16%), chênh lệch gia tăng âm -5,66 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm mạnh, ở mức trung bình, khối lượng mở OI giảm. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch âm từ -3,56 điểm đến -10,26 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng. Kỳ hạn VN30F2311 cao hơn VN30F2310. Cho thấy các trader vẫn bị quan về xu hướng của VN30, kỳ vọng VN30 sẽ ít biến động trong phiên tiếp theo và tiếp tục phòng ngừa rủi ro giảm điểm đối với VN30.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 25/9/2023 - 29/9/2023

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Tuần thứ 3 điều chỉnh VnIndex đã có thời điểm thủng ngưỡng hỗ trợ quan trọng 1.150 điểm và thậm chí đe dọa tới xu hướng uptrend khi kiểm định mốc 1.135 điểm, tuy nhiên những nỗ lực phục hồi giúp thị trường chốt tuần giữ được ngưỡng hỗ trợ quan trọng. Chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.154,15 điểm (-38,9 điểm, -3,26%). Thị trường trong ngắn hạn đang trong nhịp điều chỉnh thứ 2 khi gặp ngưỡng cản 1.250 điểm. Nhịp điều chỉnh là cần thiết tuy nhiên biên độ điều chỉnh vừa qua rộng hơn dự báo và làm suy yếu động lực tăng ngắn hạn, thị trường do vậy sẽ cần thêm nhiều thời gian để hình thành nền tích lũy mới nên rất có khả năng các nhịp hồi phục sắp tới chỉ mang tính hồi phục kỹ thuật đi kèm theo các nhịp điều chỉnh để dần hình thành nền tảng chắc chắn.

Về tình hình vĩ mô, tăng trưởng GDP trong quý 3 có sự cải thiện hơn các quý trước đó là tín hiệu tích cực. Tuy nhiên với việc GDP 9 tháng tăng 4,24% thì việc đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm 6,5% đang gặp rất nhiều thách thức (ADB dự báo 5,8%, UOB dự báo 5,2%, IMF dự báo 4,7%). Với tình trạng vĩ mô hiện tại, nhịp hồi phục từ đầu năm đã phản ánh kỳ vọng kinh tế sẽ dần ổn định và phục hồi, nếu thị trường chứng lại để tiếp tục tích lũy chờ động thái chuyển động vĩ mô tiếp theo cũng là vận động phù hợp.

Trong ngắn hạn nhịp điều chỉnh và tích lũy trở lại của thị trường có thể còn kéo dài, các nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì danh mục với tỷ trọng thấp và thận trọng bởi các nhịp hồi phục chỉ mang tính kỹ thuật. Trong trung, dài hạn mặc dù xu hướng uptrend vẫn được duy trì tuy nhiên thị trường cần tiếp tục vận động tích cực trên ngưỡng 1.150 điểm để củng cố nền tảng và xu hướng. Trường hợp có nhịp hồi phục thì thị trường vẫn cần thêm thời gian để tích lũy chặt chẽ, hình thành nền tảng tích lũy mới. Do vậy nhà đầu tư trung và dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục đã được giải ngân và cơ cấu tốt từ chân sóng theo như khuyến nghị trong các bản tin ngày và tuần của chúng tôi.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 25/9/2023 - 29/9/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	46.30	43-45	55-57	41	11.7	-27.2%	-62.6%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.40	13-14	17.5-18.2	12	4.6	8.3%	235.8%	Theo dõi giải ngân
PHR	47.40	46-48	57-59	43	7.2	-54.5%	136.4%	Theo dõi giải ngân
BSR	21.83	19.5-21	25.5-26	18	13.7	-35.7%	-86.8%	Theo dõi giải ngân
BVS	26.00	24-25.6	29-30	22	10.1	1.2%	415.3%	Theo dõi giải ngân
MBS	22.80	18.5-20	24-25	17.5	22.0	-21.8%	2.6%	Theo dõi giải ngân
VHM	45.50	43.5-46	61-63	41	4.4	634.5%	1348.3%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/05/2023	DPR	31.50	25.9	35-37	30	21.6%	Nắm giữ
02/08/2023	VNM	74.20	72.95	87-89	78	1.7%	Nắm giữ
02/08/2023	BSR	21.83	21.7	26-28	19	0.6%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

**Xuất khẩu có dấu hiệu “hụt hơi”,
thặng dư thương mại vẫn đạt 21,68
tỷ USD**

Số liệu báo cáo được Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/9 cho thấy, trong tháng 9/2023, kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 60,53 tỷ USD, giảm 2,5% so với tháng trước và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 497,66 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 8,2%; nhập khẩu giảm 13,8%. Cụ thể về xuất khẩu, trong tháng 9/2023 ước đạt 31,41 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 8,3 tỷ USD, giảm 6,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 23,11 tỷ USD, giảm 3,1%.

**Việt Nam vẫn lỡ hẹn chuyển tàu
nâng hạng FTSE, lại chờ tới mùa
xuân năm 2024**

Việt Nam vẫn nằm trong danh sách theo dõi chưa được nâng hạng do chưa đáp ứng tiêu chí “Chu kỳ thanh toán (DvP)” hiện được đánh giá là “Hạn chế”. Vì thông lệ thị trường là tiến hành kiểm tra trước giao dịch để đảm bảo có sẵn tiền trước khi thực hiện giao dịch. Thị trường không gặp phải các giao dịch thất bại nên tiêu chí “Thanh toán – Tỷ lệ giao dịch thất bại hiếm gặp” không được xếp hạng. FTSE Russell ghi nhận những tương tác mang tính xây dựng của cơ quan quản lý thị trường Việt Nam trong 12 tháng qua và việc ban hành luật nhằm hỗ trợ tham vọng nâng cao thông lệ thị trường.

**CPI tháng 9 tiếp tục chịu áp lực do
tác động từ nhiều mặt hàng tăng giá**

Theo số liệu công bố của Tổng cục thống kê ngày 29/9, một số địa phương thực hiện tăng học phí theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, giá gạo, xăng dầu, gas trong nước tăng theo giá thế giới, giá thuê nhà ở tăng là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2023 tăng 1,08% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng 9 tăng 3,12% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,66%. CPI bình quân quý 3/2023 tăng 2,89% so với quý 3/2022. Tính chung 9 tháng năm nay, CPI tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước.

**GDP quý 3/2023 tăng 5,33%, áp lực
lớn cho tăng trưởng quý 4**

Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tháng 9 và 9 tháng đầu năm cho thấy, GDP quý 3/2023 tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn so với tốc độ tăng của cùng kỳ các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Mặc dù tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với kỳ vọng cũng như kịch bản tăng trưởng quý 3/2023 để hướng tới mục tiêu tăng trưởng 6-6,5% cả năm 2023 nhưng theo Tổng cục Thống kê, xu hướng tăng trưởng đã tích cực hơn (quý 1/2023 tăng 3,28%, quý 2/2023 tăng 4,05%, quý 3/2023 tăng 5,33%). Điều này cho thấy áp lực tăng trưởng quý 4/2023 sẽ rất áp lực.

TIN DOANH NGHIỆP
Viconship (VSC): Doanh thu và lợi nhuận tháng 8 vượt cùng kỳ

Thông tin từ CTCP Tập đoàn Container Việt Nam (Viconship, mã VSC) cho biết, kết quả kinh doanh tháng 8/2023 của Công ty vượt số liệu cùng kỳ 2022, cảng Nam Hải Đình Vũ đã bắt đầu đóng góp lợi nhuận cho hệ thống. Cụ thể, doanh thu tháng 8/2023 của Công ty đạt 198 tỷ đồng, tăng 10% so với mức 180 tỷ đồng cùng kỳ 2022. Lũy kế 8 tháng, Công ty đạt doanh thu 1.371 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,7% so với mức 1.335 tỷ đồng cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận tháng 8 của Công ty đạt 48,3 tỷ đồng, cao hơn 44,1 tỷ đồng đạt được cùng kỳ năm 2022. Lãnh đạo VSC cho biết, cảng Nam Hải Đình Vũ đã bắt đầu đóng góp lợi nhuận cho hệ thống VSC.

Nhóm Dragon Capital tiếp tục mua thêm 490.000 cổ phiếu FPT Retail (FRT)

Ngày 25/9, nhóm quỹ liên quan Dragon Capital tiếp tục mua thêm 490.000 cổ phiếu FRT để nâng sở hữu từ 8,65%, lên 9,01% vốn điều lệ. Trong đó, quỹ Hanoi Investments Holdings Limited mua vào 390.000 cổ phiếu và quỹ DC Developing Markets Strategies Public Limited Company mua vào 100.000 cổ phiếu. Trước đó, ngày 14/9, nhóm quỹ liên quan Dragon Capital vừa mua thêm 175.200 cổ phiếu. Trong đó, quỹ thực hiện mua vào 175.200 cổ phiếu là Hanoi Investments Holdings Limited.

Đầu tư Hải Phát đặt mục tiêu lãi sau thuế 2023 tối thiểu 120 tỷ đồng

HDQT CTCP Đầu tư Hải Phát (HOSE: HPX) ngày 27/09 đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 với lợi nhuận sau thuế tối thiểu đạt 120 tỷ đồng. Cụ thể, doanh thu của công ty mẹ/hợp nhất tối thiểu đạt 2,500 tỷ đồng, tăng 107% so cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế tối thiểu đạt 120 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ hơn 58 tỷ đồng; và không chia cổ tức trong năm 2023. Theo BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2023 mới công bố, HPX đạt gần 896 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 54% so với cùng kỳ; lãi sau thuế hơn 57 tỷ đồng, tăng 88%.

Phát triển Điện lực Việt Nam chốt ngày chia cổ tức 2022 tỷ lệ 13% bằng tiền

CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam (HOSE: VPD) dự kiến chia cổ tức năm 2022 tỷ lệ 13% bằng tiền (tương đương 1 cổ phiếu được nhận 1,300 đồng), ngày đăng ký cuối cùng là 05/10, ngày dự kiến chi trả cổ tức là 24/10. Với 106.6 triệu cp đang lưu hành, ước tính VPD cần chi gần 138.6 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này. Trong cơ cấu cổ đông của VPD, Tổng Công ty Phát điện 1 đang là cổ đông lớn nhất đồng thời là cổ đông nhà nước duy nhất, sở hữu hơn 39 triệu cp (tương ứng 36.65% vốn), ước tính thu về gần 51 tỷ đồng từ cổ tức VPD.



HOSE

Top 5 CP NGĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	GEX	8,741,946	FUESSVFL	(8,709,000)
2	HPG	7,624,186	STB	(5,883,642)
3	VCG	5,644,252	VND	(5,482,073)
4	PDR	5,015,337	CTG	(4,783,514)
5	SSI	4,172,857	VCI	(4,365,727)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HUT	8,340,856	NVB	(502,200)
2	SHS	1,487,675	PVI	(106,900)
3	IDC	1,128,284	MBS	(100,200)
4	PVS	828,618	DTD	(81,480)
5	VIG	158,600	TNG	(67,840)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
BBC	57.00	55.60	↓ -2.46%	536,873,012
VIX	17.75	15.75	↓ -11.27%	194,542,025
SHB	11.80	11.10	↓ -5.93%	174,645,734
SSI	32.60	31.80	↓ -2.45%	162,117,809
VND	22.55	21.00	↓ -6.87%	149,371,310

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	17.80	17.20	↓ -3.37%	155,955,592
NVB	13.80	13.10	↓ -5.07%	58,914,468
CEO	23.90	21.30	↓ -10.88%	43,166,167
PVS	37.30	38.60	↑ 3.49%	36,930,686
HUT	23.00	24.50	↑ 6.52%	35,969,984

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L10	18.40	22.40	4.0	↑ 21.74%
GSP	11.80	14.10	2.3	↑ 19.49%
HRC	45.60	53.00	7.4	↑ 16.23%
TDW	45.30	51.70	6.4	↑ 14.13%
NTL	25.00	28.50	3.5	↑ 14.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HJS	36.00	47.50	11.5	↑ 31.94%
VHL	14.80	17.60	2.8	↑ 18.92%
VIT	16.20	19.20	3.0	↑ 18.52%
HTP	26.60	30.60	4.0	↑ 15.04%
BST	16.90	19.30	2.4	↑ 14.20%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TLH	10.10	8.36	-1.7	↓ -17.23%
DC4	14.15	11.90	-2.3	↓ -15.90%
TNT	6.29	5.33	-1.0	↓ -15.26%
MHC	10.20	8.68	-1.5	↓ -14.90%
APG	10.90	9.35	-1.6	↓ -14.22%

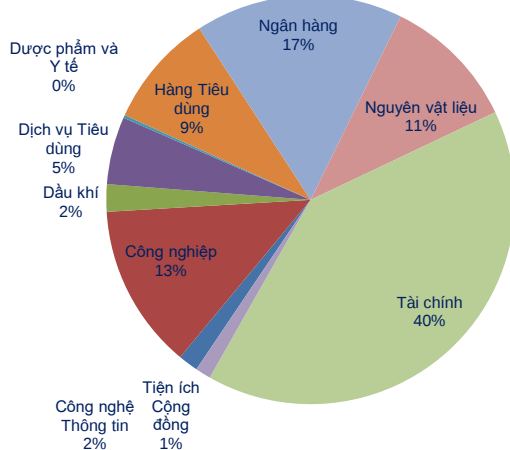
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TKG	9.90	6.00	-3.9	↓ -39.39%
LDP	16.00	12.80	-3.2	↓ -20.00%
BDB	12.80	10.60	-2.2	↓ -17.19%
POT	17.50	14.70	-2.8	↓ -16.00%
APS	8.30	7.00	-1.3	↓ -15.66%

(*) Giá điều chỉnh

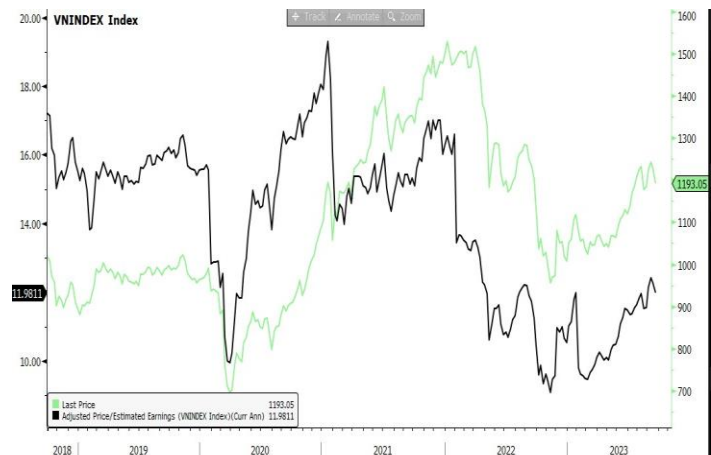


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
BBC	536,873,012	4.6%	3,271	17.1	0.8
VIX	194,542,025	7.0%	839	19.0	1.3
SHB	174,645,734	17.7%	2,183	5.0	0.8
SSI	162,117,809	7.3%	1,093	29.6	2.2
VND	149,371,310	3.9%	467	45.1	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	155,955,592	4.3%	507	34.3	1.4
NVB	58,914,468	-0.1%	-12	-	1.2
CEO	43,166,167	7.7%	928	22.6	1.7
PVS	36,930,686	7.2%	1,953	20.2	1.4
HUT	35,969,984	1.3%	129	178.3	5.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
L10	↑ 21.7%	6.8%	1,771	12.7	0.9
GSP	↑ 19.5%	12.4%	1,655	8.4	1.0
HRC	↑ 16.2%	1.8%	327	159.1	2.9
TDW	↑ 14.1%	25.9%	6,507	7.4	1.8
NTL	↑ 14.0%	1.6%	328	85.2	1.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HJS	↑ 31.9%	14.0%	2,119	20.4	3.1
VHL	↑ 18.9%	-7.2%	-1,708	-	0.7
VIT	↑ 18.5%	3.9%	476	38.0	1.5
HTP	↑ 15.0%	0.1%	26	1,177.6	1.2
BST	↑ 14.2%	15.7%	2,072	8.5	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	8,741,946	1.6%	385	54.5	0.8
HPG	7,624,186	-2.0%	-328	-	1.6
VCG	5,644,252	3.6%	672	35.6	1.3
PDR	5,015,337	8.2%	1,118	21.2	1.9
SSI	4,172,857	7.3%	1,093	29.6	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	8,340,856	1.3%	129	178.3	5.3
SHS	1,487,675	4.3%	507	34.3	1.4
IDC	1,128,284	20.7%	3,969	11.8	2.5
PVS	828,618	7.2%	1,953	20.2	1.4
VIG	158,600	6.9%	487	17.9	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	491,840	23.0%	5,797	15.2	3.2
BID	224,346	19.0%	4,025	11.0	2.0
GAS	210,152	20.3%	5,567	16.4	3.1
VHM	193,769	29.1%	10,341	4.3	1.1
VIC	171,627	3.9%	1,395	32.3	1.2

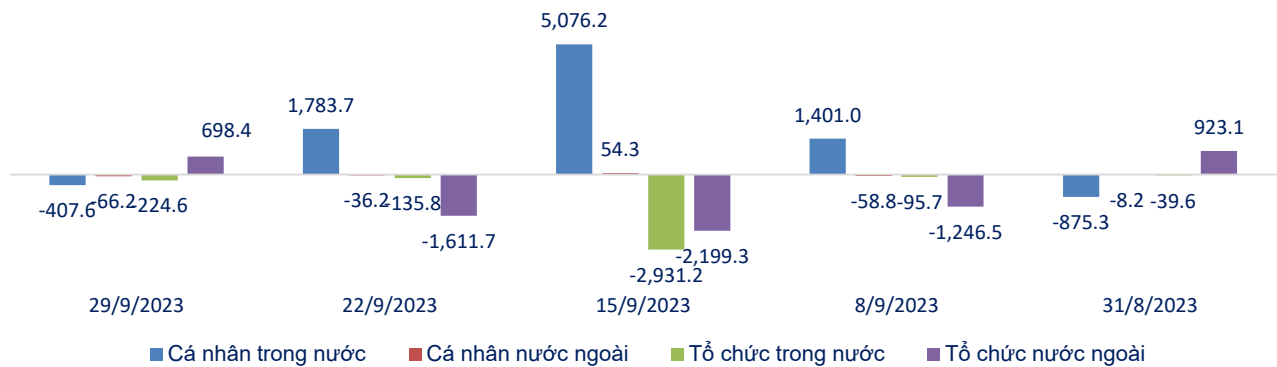
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	20,528	1.3%	129	178.3	5.3
PVS	18,880	7.2%	1,953	20.2	1.4
IDC	15,411	20.7%	3,969	11.8	2.5
SHS	14,149	4.3%	507	34.3	1.4
THD	13,398	2.9%	458	75.9	2.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	920.26	-14.1%	(4,026)	-	3.6
VCI	180.31	5.0%	783	53.8	2.5
HDB	175.70	20.3%	2,765	6.3	1.2
VSC	160.44	5.8%	1,370	20.9	1.2
VND	152.67	3.9%	467	45.1	1.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-322.57	-2.0%	(328)	-	1.6
MBB	-217.26	22.3%	3,496	5.3	1.1
SSI	-172.82	7.3%	1,093	29.6	2.2
MWG	-129.67	6.6%	1,069	49.6	3.3
VCB	-128.84	23.0%	5,797	15.2	3.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	12.08	29.1%	10,341	4.3	1.1
POW	8.85	4.2%	602	19.1	0.8
NVL	8.01	-1.3%	(295)	-	0.7
TPB	6.64	18.6%	2,686	6.7	1.3
SKG	6.55	8.9%	1,217	13.0	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GVR	-54.71	5.3%	714	27.5	1.4
HPG	-25.24	-2.0%	(328)	-	1.6
VND	-24.72	3.9%	467	45.1	1.7
VNM	-13.77	23.9%	3,937	19.0	4.3
STB	-6.32	17.2%	3,601	8.5	1.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	217.94	22.3%	3,496	5.3	1.1
FUESSVFL	157.17	N/A	N/A	N/A	N/A
CTG	143.20	15.8%	3,664	8.4	1.3
ACB	128.75	24.1%	4,506	4.8	1.3
HPG	124.81	-2.0%	(328)	-	1.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	-911.76	-14.1%	(4,026)	-	3.6
GEX	-316.13	1.6%	385	54.5	0.8
VSC	-160.38	5.8%	1,370	20.9	1.2
HDB	-131.80	20.3%	2,765	6.3	1.2
GAS	-67.55	20.3%	5,567	16.4	3.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

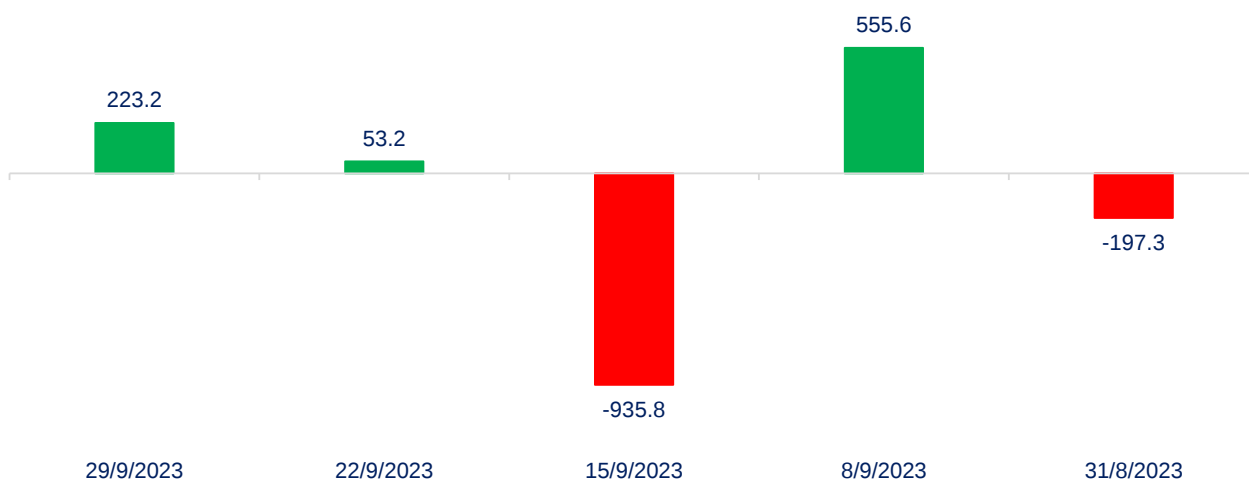
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	223.00	-2.0%	(328)	-	1.6
GEX	177.24	1.6%	385	54.5	0.8
VCG	134.38	3.6%	672	35.6	1.3
SSI	129.44	7.3%	1,093	29.6	2.2
PDR	114.23	8.2%	1,118	21.2	1.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

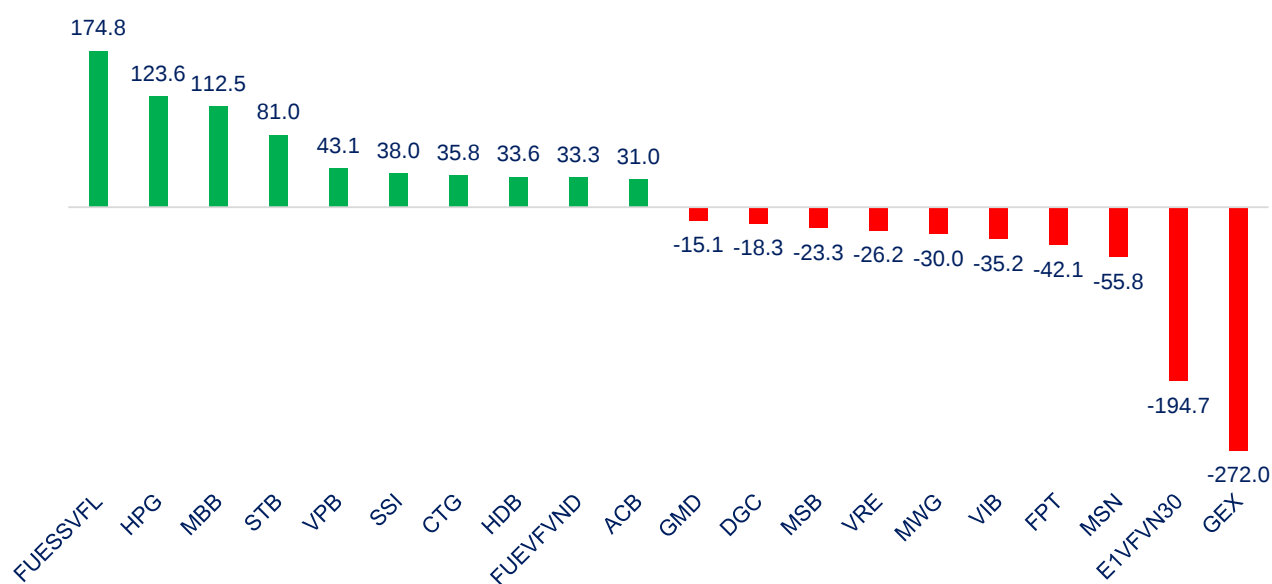
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	-178.62	5.0%	783	53.8	2.5
STB	-177.73	17.2%	3,601	8.5	1.4
FUESSVFL	-160.27	N/A	N/A	N/A	N/A
CTG	-140.91	15.8%	3,664	8.4	1.3
VND	-92.63	3.9%	467	45.1	1.7



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
11/11/2022	29/9/2023	21/11/2022	18/11/2022	TCO	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/5/2023	29/9/2023	23/5/2023	22/5/2023	VSH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/8/2023	29/9/2023	29/8/2023	28/8/2023	HID	Đại hội Đồng Cổ đông
4/8/2023	29/9/2023	18/8/2023	17/8/2023	PMP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/8/2023	29/9/2023	25/8/2023	24/8/2023	BDT	Đại hội Cổ đông Bất thường
18/8/2023	29/9/2023	6/9/2023	5/9/2023	TL4	Đại hội Cổ đông Bất thường
11/8/2023	29/9/2023	25/8/2023	24/8/2023	VIH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24/8/2023	29/9/2023	5/9/2023	31/8/2023	ABC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/8/2023	29/9/2023	31/8/2023	30/8/2023	HSL	Đại hội Cổ đông Bất thường
18/8/2023	29/9/2023	8/9/2023	7/9/2023	CQT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/8/2023	29/9/2023	25/8/2023	24/8/2023	CTB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28/8/2023	29/9/2023	8/9/2023	7/9/2023	ILB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7/9/2023	29/9/2023	15/9/2023	14/9/2023	NT2	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/8/2023	29/9/2023	8/9/2023	7/9/2023	DTK	Đại hội Cổ đông Bất thường
14/9/2023	29/9/2023	20/9/2023	19/9/2023	PMC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/9/2023	29/9/2023	20/9/2023	19/9/2023	PMC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/9/2023	29/9/2023	18/9/2023	15/9/2023	NAG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/9/2023	29/9/2023	22/9/2023	21/9/2023	GMD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28/5/2019	30/9/2023	4/6/2019	3/6/2019	LQN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/8/2023	2/10/2023	24/8/2023	23/8/2023	TC6	Đại hội Cổ đông Bất thường
16/8/2023	2/10/2023	31/8/2023	30/8/2023	YBM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/8/2023	2/10/2023	8/9/2023	7/9/2023	BTW	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/8/2023	2/10/2023	31/8/2023	30/8/2023	PCE	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/9/2023	2/10/2023	20/9/2023	19/9/2023	PVX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
7/9/2023	2/10/2023	14/9/2023	13/9/2023	AGE	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/8/2023	2/10/2023	31/8/2023	30/8/2023	V12	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/9/2023	2/10/2023	27/9/2023	26/9/2023	VCS	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
12/9/2023	2/10/2023	19/9/2023	18/9/2023	CSM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2/8/2023	3/10/2023	15/8/2023	14/8/2023	PGB	Đại hội Cổ đông Bất thường
24/8/2023	3/10/2023	8/9/2023	7/9/2023	LAI	Đại hội Cổ đông Bất thường



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn